

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 94/2014/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật NSNN ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23/6/2003 ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 188/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định tiêu thức phân cấp nguồn thu và phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và Thông tư số 198/2010/TT-BTC ngày 08/12/2010 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung Mục lục Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSNN địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2015 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

(có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Nghệ An có trách nhiệm hướng dẫn các khoản thu 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách.

Trong quá trình thực hiện ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Tabmis), giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh tỷ lệ điều tiết cho phù hợp Tabmis theo nguyên tắc đảm bảo tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách như đã quy định tại Nghị quyết số 145/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của HĐND tỉnh về việc phê

chuẩn dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2015 và Quyết định số 93/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp và quản lý điều hành ngân sách năm 2015.

Điều 3. Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, thay thế Quyết định số 66/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách năm 2014.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước Nghệ An; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Đường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Phụ lục số 1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: %

TT	Đơn vị	Các khoản phân chia giữa NS tỉnh, NS huyện và NS xã																					
		Thu từ DNNN (không kể các đơn vị hạch toán toàn ngành)	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	Thuế thu nhập cá nhân do VP Cục thuế thu	Thuế tài nguyên, tiền thuê đất	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế TNCN do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu)			Lệ phí trước bạ (không kể trước bạ nhà đất)			Lệ phí trước bạ nhà đất; Thuế sử dụng đất phi NN; Môn bài cá thể NQD			Thuế GTGT, TNDN, thu khác của CTN-DV-NQD thuộc doanh nghiệp (trừ những đơn vị do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu)			Thuế GTGT, thu khác của CTN-DV-NQD thuộc hộ cá thể (trừ những đơn vị do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu)			Thuế TTDB của CTN-DV-NQD (trừ các đv do Cục thuế thu)	Thu cân đối NS xã
		NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	NS huyện	NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8.1	8.2	8.3	9.1	9.2	9.3	10.1	10.2	10.3	11.1	11.2	11.3	12.1	12.2	12.3	13	14
1	T.P Vinh	100	100	100	100	100	40	55	5	40	60	0	0	30	70	50	50	0	0	70	30	100	100
2	Hung Nguyên	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
3	Nam Đàn	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
4	Nghi Lộc	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
5	Diễn Châu	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
6	Quỳnh Lưu	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
7	Yên Thành	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
8	Đô Lương	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
9	Thanh Chương	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
10	Anh Sơn	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
11	Tân Kỳ	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
12	Nghĩa Đàn	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
13	Quỳ Hợp	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
14	Quỳ Châu	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
15	Quế Phong	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
16	Con Cuông	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
17	Tương Dương	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
18	Kỳ Sơn	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
19	TX Cửa Lò	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	50	50	100	100
20	TX Thái Hoà	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100
21	TX Hoàng Mai	100	100	100	100	100	40	50	10	40	60	0	0	30	70	20	80	0	0	0	100	100	100

Ghi chú: - Cty CP là các DNNN đã chuyển đổi sang hình thức Cty CP

UBND TỈNH NGHỆ AN

- Thu cân đối ngân sách xã bao gồm các khoản thu của xã: Thu sự nghiệp; Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản; Thu khác ngân sách xã
- Các khoản phân chia 100% thực hiện theo Cơ chế phân công, phân cấp và quản lý điều hành ngân sách năm 2014 của UBND tỉnh và Hướng dẫn của Sở Tài chính - KBNN tỉnh
- Tiền sử dụng đất thực hiện phân chia các cấp ngân sách theo Phụ lục số 2
- Các khoản thu CTN-DV NQD do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu điều tiết về ngân sách tỉnh 100%
- Năm 2015 do ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Tabmis), trong quá trình điều hành UBND tỉnh có thể điều chỉnh cho phù hợp Tabmis nhưng phải đảm bảo tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách như trên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỶ LỆ PHÂN CHIA TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ PHÂN BỐ CÁC CẤP NGÂN SÁCH HƯỞNG NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/2014/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ % các cấp NS		
		Ngân sách tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1	2	3
1	TP. Vinh			
-	Tiền đất Đại lộ Vinh Cửa Lò	80	10	10
-	Tiền đất Đại lộ Lê Nin	80	10	10
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	30	40	30
2	Hung Nguyên			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
3	Nam Đàn			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	30	40	30
4	Nghi Lộc			
-	Tiền đất Đại lộ Vinh Cửa Lò	80	10	10
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
5	Diễn Châu			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
6	Quỳnh Lưu			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
7	Yên Thành			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
8	Đô Lương			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
9	Thanh Chương			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
10	Anh Sơn			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
11	Tân Kỳ			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10

-	Khác	40	30	30
12	Nghĩa Đàn			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
13	Quỳ Hợp			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
14	Quỳ Châu			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
15	Quế Phong			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
16	Con Cuông			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
17	Tương Dương			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
18	Kỳ Sơn			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	40	30	30
19	Thị xã Cửa Lò			
-	Tiền đất Đại lộ Vinh Cửa Lò	80	10	10
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	30	55	15
20	Thị xã Thái Hoà			
-	Tiền đất khu đô thị	70	20	10
-	Khác	30	40	30
21	Thị xã Hoàng Mai			
-	Tiền đất khu đô thị	30	55	15
-	Khác	0	70	30

Ghi chú: - Tiền sử dụng đất Khu đô thị tại các huyện, thành phố, thị xã (trừ thị xã Hoàng Mai): Ngân sách tỉnh 70%; Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 20%; ngân sách xã, phường, thị trấn 10%.

- Tiền sử dụng đất Khu đô thị thị xã Hoàng Mai: Ngân sách tỉnh 30%; Ngân sách thị xã 55%; Ngân sách xã, phường 15%.

- Tiền sử dụng đất Đại lộ Vinh Cửa Lò: Ngân sách tỉnh 80%; Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 10%; ngân sách xã, phường, thị trấn 10%.

- Tiền sử dụng đất thu từ các lô đất tái định cư trong các khu tái định cư đã xây dựng hoàn thành để đầu tư xây dựng hạ tầng các Khu tái định cư khác của Khu kinh tế Đông Nam: Ngân sách tỉnh 80%; Ngân sách huyện, thành phố, thị xã 10%; ngân sách xã, phường, thị trấn 10%.

- Các dự án tính khai thác quỹ đất điều tiết theo quy định của Cơ chế phân công, phân cấp và quản lý điều hành ngân sách năm 2015 của UBND tỉnh

- Năm 2015 ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (Tabmis), trong quá trình điều hành UBND tỉnh có thể điều chỉnh cho phù hợp Tabmis nhưng phải đảm bảo tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách như trên.